

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ NĂM 2015 VỀ VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI

NGUYỄN TRẦN BẢO UYÊN

Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of Civil Law, Ho Chi Minh City University of Law
Email: ntbuyen@hcmulaw.edu.vn

LÊ THANH HÀ

Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of Civil Law, Ho Chi Minh City University of Law
Email: ltha@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Biện pháp khẩn cấp tạm thời là một trong những biện pháp được Tòa án áp dụng trong quá trình giải quyết tranh chấp giữa các chủ thể nhằm bảo đảm cho việc giải quyết vụ án hoặc việc thi hành án. Mặc dù Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về cơ bản đã có những quy định khá cụ thể, thực tiễn giải quyết các tranh chấp phát sinh cho thấy vẫn còn tồn tại những vướng mắc nhất định trong quá trình áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Bài viết chỉ ra một số hạn chế, bất cập trong quy định của pháp luật tố tụng dân sự hiện hành về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, từ đó đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

Từ khóa: biện pháp khẩn cấp tạm thời, tố tụng dân sự, giải quyết tranh chấp

Abstract

The provisional emergency measures are applied by the Court during the process of resolving disputes between parties to ensure the resolution of the case or the execution of the judgment. Although the 2015 Civil Procedure Code has provided specific and detailed regulations regarding this issue, certain challenges remain in the application process of these measures. This article points out some inadequacies of provisions of the current civil procedural law on the application of provisional emergency measures and offers suggestions for law improvement.

Keywords: provisional emergency measures, civil procedure, dispute resolution

DOI: <https://doi.org/10.70236/tckhplvn.225>

Ngày nhận bài: 25/10/2024

Ngày duyệt đăng: 10/01/2025

1. Chủ thể có quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Sau khi các chủ thể có thẩm quyền thực hiện việc khởi kiện, phải mất một khoảng thời gian nhất định thì tranh chấp giữa các bên mới được Tòa án giải quyết triệt để. Chẳng hạn, đối với tranh chấp dân sự, chỉ riêng giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm đã là bốn tháng kể từ ngày thụ lý vụ án. Trong một số trường hợp vụ án có tính chất phức tạp hoặc do sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, Chánh án Tòa án có thể quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm.¹ Trong khoảng thời gian chờ đợi phán quyết quyết cuối cùng của Tòa án, rất có thể xảy ra trường hợp một bên trong quan hệ pháp

1 Khoản 1 Điều 203 BLTTDS năm 2015.

luật tranh chấp/người có nghĩa vụ thực hiện việc chuyển nhượng, tặng cho, chuyển đổi... tài sản đang tranh chấp/tài sản của người có nghĩa vụ cho chủ thể khác. Nếu không kịp thời ngăn chặn hành vi chuyển dịch quyền về tài sản này thì có thể dẫn đến thiệt hại nghiêm trọng cho quyền và lợi ích hợp pháp của bên còn lại, ảnh hưởng đến việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án sau này.²

Chính vì lẽ đó, pháp luật tố tụng dân sự cho phép kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, các bên trong quan hệ pháp luật tranh chấp có quyền yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (BPKCTT) để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc của chủ thể khác. Cụ thể, khoản 1 Điều 111 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 quy định: “Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện vụ án quy định tại Điều 187 của Bộ luật này có quyền yêu cầu Tòa án đang giải quyết vụ án đó áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại Điều 114 của Bộ luật này để tạm thời giải quyết yêu cầu cấp bách của đương sự, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, thu thập chứng cứ, bảo vệ chứng cứ, bảo toàn tình trạng hiện có tránh gây thiệt hại không thể khắc phục được, đảm bảo cho việc giải quyết vụ án hoặc việc thi hành án”.

Như vậy, theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án dân sự, những chủ thể có quyền yêu cầu áp dụng BPKCTT là: (i) đương sự; (ii) người đại diện hợp pháp của đương sự và (iii) cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện vụ án quy định tại Điều 187 BLTTDS năm 2015.³ Những cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện vụ án quy định tại Điều 187 BLTTDS năm 2015 là những cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước. Do đó, những cơ quan, tổ chức, cá nhân này

2 Đỗ Văn Đại, *Giao dịch dân sự về bất động sản*, Nxb. Hồng Đức, TP. Hồ Chí Minh, 2022, tr. 696.

3 Bao gồm: (i) Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền khởi kiện vụ án về hôn nhân và gia đình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; (ii) Tổ chức đại diện tập thể lao động có quyền khởi kiện vụ án lao động trong trường hợp cần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể người lao động hoặc khi được người lao động ủy quyền theo quy định của pháp luật; (iii) Tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng có quyền đại diện cho người tiêu dùng khởi kiện bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hoặc tự mình khởi kiện vì lợi ích công cộng theo quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; (iv) Cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Tòa án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước thuộc lĩnh vực mình phụ trách hoặc theo quy định của pháp luật; (v) Cá nhân có quyền khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khác theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

cũng có quyền yêu cầu Tòa án áp dụng BPKCTT trong những trường hợp cần thiết nhằm tạm thời giải quyết yêu cầu cấp bách của đương sự; bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản; thu thập chứng cứ, bảo vệ chứng cứ; bảo toàn tình trạng hiện có tránh gây thiệt hại không thể khắc phục được; đảm bảo cho việc giải quyết vụ án hoặc việc thi hành án.

Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là liệu rằng việc phân chia các chủ thể có quyền yêu cầu áp dụng BPKCTT kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án dân sự thành ba nhóm chủ thể có hợp lý?

Quan điểm thứ nhất cho rằng việc phân chia thành ba nhóm chủ thể là hoàn toàn phù hợp. Bởi lẽ, việc phân chia này có ưu điểm là rất cụ thể, nhấn mạnh được trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước có quyền yêu cầu áp dụng BPKCTT. Từ đó, cách tiếp cận này có thể giúp việc áp dụng pháp luật tố tụng được thống nhất, đạt hiệu quả cao và hạn chế tối thiểu các sai sót có thể có trong quá trình Tòa án áp dụng các BPKCTT.

Quan điểm thứ hai cho rằng không nhất thiết phải phân chia thành ba nhóm chủ thể vì các cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện vụ án quy định tại Điều 187 BLTTDS năm 2015 không thực sự là một nhóm chủ thể khác biệt với nhóm “đương sự” và nhóm “người đại diện hợp pháp của đương sự”. Nói cách khác, mặc dù BLTTDS năm 2015 tại khoản 1 Điều 111 liệt kê ba nhóm chủ thể có quyền yêu cầu áp dụng BPKCTT, thực chất chỉ có hai nhóm chủ thể là “đương sự” và “người đại diện hợp pháp của đương sự”. Bởi lẽ:

Thứ nhất, khoản 2 Điều 68 BLTTDS năm 2015 quy định: “Cơ quan, tổ chức do Bộ luật này quy định khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Tòa án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước thuộc lĩnh vực mình phụ trách cũng là nguyên đơn”. Có thể khẳng định, các cơ quan, tổ chức được liệt kê tại Điều 187 BLTTDS năm 2015 là nguyên đơn khi các cơ quan, tổ chức này thực hiện việc khởi kiện để yêu cầu Tòa án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Mà nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 68 BLTTDS năm 2015 là “đương sự”. Hay nói cách khác, khi khởi kiện để yêu cầu Tòa án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước thuộc lĩnh vực mình phụ trách, các cơ quan, tổ chức được liệt kê tại Điều 187 BLTTDS năm 2015 là một trong những chủ thể có quyền yêu cầu áp dụng BPKCTT và các cơ quan, tổ chức này thuộc nhóm chủ thể thứ nhất là nhóm “đương sự”.

Thứ hai, khi các cơ quan, tổ chức, cá nhân được quy định tại Điều 187 BLTTDS năm 2015 khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền và

lợi ích hợp pháp của người khác, tư cách tố tụng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân này lại được xác định là người đại diện theo pháp luật của đương sự. Điều này đồng nghĩa với việc các cơ quan, tổ chức, cá nhân này thuộc nhóm chủ thể thứ hai là nhóm “người đại diện hợp pháp của đương sự”.

Có thể thấy, việc khoản 1 Điều 111 BLTTDS năm 2015 ghi nhận cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện vụ án quy định tại Điều 187 của BLTTDS là nhằm mục đích khẳng định một cách minh thị, rõ ràng rằng những cơ quan, tổ chức, cá nhân khi khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước cũng có quyền yêu cầu Tòa án áp dụng BPKCTT. Tuy nhiên, theo quan điểm của nhóm tác giả, việc ghi nhận này là không cần thiết. Do đó, thiết nghĩ pháp luật tố tụng dân sự nên có sự điều chỉnh theo hướng loại bỏ nhóm chủ thể thứ ba là “cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện vụ án quy định tại Điều 187” ra khỏi danh sách những chủ thể có quyền yêu cầu Tòa án áp dụng BPKCTT kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án dân sự. Cụ thể, khoản 1 Điều 111 BLTTDS năm 2015 nên được sửa đổi như sau: “Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền yêu cầu Tòa án đang giải quyết vụ án đó áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại Điều 114 của Bộ luật này để tạm thời giải quyết yêu cầu cấp bách của đương sự, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, thu thập chứng cứ, bảo vệ chứng cứ, bảo toàn tình trạng hiện có tránh gây thiệt hại không thể khắc phục được, đảm bảo cho việc giải quyết vụ án hoặc việc thi hành án”.

2. Thời điểm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Theo Điều 111 BLTTDS năm 2015, các chủ thể của quan hệ pháp luật có tranh chấp có thể thực hiện quyền yêu cầu áp dụng BPKCTT tại hai thời điểm: (i) đồng thời với việc nộp đơn khởi kiện, và (ii) kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án. Điều này đồng nghĩa với việc các chủ thể của quan hệ pháp luật tranh chấp bắt buộc phải “khởi động” quy trình tố tụng thông qua việc nộp “đơn khởi kiện” mới có thể yêu cầu Tòa án áp dụng BPKCTT.

Thực tế cho thấy tồn tại nhiều trường hợp các chủ thể của quan hệ pháp luật tranh chấp không muốn tiến hành việc khởi kiện, mà chỉ muốn Tòa án áp dụng BPKCTT để tạm thời giải quyết yêu cầu cấp bách của mình nhằm bảo vệ tài sản, thu thập chứng cứ, bảo vệ ngay chứng cứ, bảo toàn tình trạng hiện có của tài sản tránh gây thiệt hại không thể khắc phục được, ngăn chặn hậu quả nghiêm trọng

có thể xảy ra, sau đó họ có thể tự giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải. Tuy nhiên, với những quy định hiện hành của BLTTDS năm 2015, hoàn toàn không có căn cứ để Tòa án ban hành quyết định áp dụng BPKCTT trước khi khởi kiện cho dù yêu cầu áp dụng BPKCTT của các cơ quan, tổ chức, cá nhân là hợp lý.

Việc áp dụng BPKCTT trước khi khởi kiện, dù chưa được quy định trong BLTTDS năm 2015, nhưng đã được ghi nhận trong các văn bản pháp luật khác như Pháp lệnh Thủ tục bắt giữ tàu biển năm 2008,⁴ Pháp lệnh Thủ tục bắt giữ tàu bay năm 2010⁵ hay trong Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ.⁶

Bên cạnh đó, qua tham khảo pháp luật tố tụng dân sự một số quốc gia trên thế giới, có thể thấy, việc áp dụng BPKCTT trước khi khởi kiện vụ án dân sự đã được pháp luật tố tụng dân sự các nước ghi nhận từ khá sớm. Chẳng hạn, Luật Tố tụng dân sự Trung Quốc năm 2017 quy định các bên chủ thể có quyền yêu cầu Tòa án nơi có tài sản hoặc Tòa án nơi người yêu cầu cư trú hoặc Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp áp dụng BPKCTT trước khi khởi kiện, và Tòa án phải ban hành quyết định áp dụng BPKCTT trong thời hạn 48 giờ, kể từ thời điểm nhận được đơn yêu cầu áp dụng BPKCTT.⁷ Bộ luật Dân sự Pháp ghi nhận trong trường hợp xảy ra bạo lực giữa những người sống chung, do vợ hoặc chồng cũ, người từng có thỏa thuận sống chung hoặc người từng sống chung trong quan hệ sống chung thực tế gây nguy hiểm cho nạn nhân, Thẩm phán phụ trách các vụ việc về gia đình có thể khẩn cấp ban hành một lệnh bảo hộ cho người này.⁸ Pháp luật tố tụng dân sự Áo cho phép các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu Tòa án nơi chủ thể bị áp dụng cư trú hoặc có trụ sở áp

4 Điều 1 Pháp lệnh Thủ tục bắt giữ tàu biển năm 2008 quy định: “Pháp lệnh này quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục bắt giữ tàu biển để bảo đảm giải quyết khiếu nại hàng hải, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, thi hành án dân sự, thực hiện tương trợ tư pháp và thẩm quyền, trình tự, thủ tục thả tàu biển đang bị bắt giữ”.

5 Khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh Thủ tục bắt giữ tàu bay năm 2010 quy định: “Pháp lệnh này quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục bắt giữ tàu bay tại cảng hàng không, sân bay để bảo đảm lợi ích của chủ nợ, chủ sở hữu, người thứ ba ở mặt đất bị thiệt hại hoặc người khác có quyền, lợi ích đối với tàu bay (sau đây gọi chung là người có quyền, lợi ích đối với tàu bay) hoặc để thi hành án dân sự và thẩm quyền, trình tự, thủ tục thả tàu bay đang bị bắt giữ”.

6 Điều 50 Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ quy định: “Các cơ quan xét xử cũng phải có quyền ra lệnh áp dụng một cách khẩn cấp và hữu hiệu các biện pháp tạm thời: (a) nhằm ngăn chặn hành vi xâm phạm bất kỳ loại quyền sở hữu trí tuệ nào, và đặc biệt nhằm ngăn chặn hàng hóa nhập khẩu vào các kênh thương mại thuộc phạm vi quyền hạn của mình ngay sau khi hoàn thành thủ tục hải quan; (b) nhằm bảo tồn các chứng cứ liên quan đến hành vi bị khiếu kiện là xâm phạm quyền”.

7 Điều 101 Luật Tố tụng dân sự của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (sửa đổi năm 2010).

8 Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam, “Bản dịch Bộ luật Dân sự Pháp”, <https://drive.google.com/file/d/1PFv0T6W7AjqtS2mk5EFOca6iFefdUfFF/view>, truy cập ngày 13/5/2024.

dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện.⁹ Ngoài ra, một số quốc gia khác như Hoa Kỳ, Nga... cũng đều có quy định đương sự có quyền yêu cầu áp dụng BPKCTT trước khi khởi kiện.

Có thể thấy, để kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể, hạn chế tối đa thiệt hại có thể xảy ra, đồng thời đưa pháp luật Việt Nam tiệm cận với pháp luật quốc tế thì việc ghi nhận quyền yêu cầu áp dụng BPKCTT trước khi khởi kiện trong pháp luật tố tụng dân sự là điều cần thiết. Hiện nay, Việt Nam cũng đang trong tiến trình xây dựng các quy định cho phép các cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền yêu cầu Tòa án áp dụng BPKCTT trước khi khởi kiện. Cụ thể, theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Dự thảo 2 Luật Áp dụng BPKCTT trước khi khởi kiện; Thủ tục bắt giữ tàu biển, tàu bay (Sau đây gọi là “Dự thảo 2”) thì “biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện là biện pháp do Tòa án áp dụng mà trong một thời hạn nhất định người yêu cầu áp dụng biện pháp đó không khởi kiện thì phải hủy bỏ việc áp dụng”. Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 27 Dự thảo 2 quy định: “Thời hạn áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện tối đa là 30 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời”. Như vậy, theo quy định của Dự thảo 2 thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu Tòa án áp dụng BPKCTT trước khi khởi kiện. Tuy nhiên, việc áp dụng BPKCTT này chỉ có thời hạn tối đa là 30 ngày, trường hợp các chủ thể yêu cầu áp dụng BPKCTT không thực hiện việc khởi kiện thì BPKCTT sẽ bị hủy bỏ áp dụng. Nói cách khác, “khởi kiện” là điều kiện bắt buộc mà cá nhân, cơ quan, tổ chức phải thực hiện nếu muốn tiếp tục duy trì việc áp dụng BPKCTT.

Tuy nhiên, đến Dự thảo 3 Luật BPKCTT trước khi khởi kiện (Sau đây gọi là “Dự thảo 3”), quy định nêu trên đã có sự khác biệt. Cụ thể, Điều 3 Dự thảo 3 quy định: “Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện quy định tại Điều 4 của Luật này để tạm thời giải quyết yêu cầu cấp bách của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm bảo vệ tài sản, thu thập chứng cứ, bảo vệ chứng cứ, bảo toàn tình trạng hiện có, tránh gây thiệt hại không thể khắc phục được”. Đồng thời, Điều 19 Dự thảo 3 quy định: “1. Thời hạn áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện tối đa là 30 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện; 2. Thời hạn áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện quy định tại khoản 1 Điều này không phụ thuộc

9 Karollus-Bruner Daniela, “Interim measures in Austria”, *CMS Legal*, 2018, <https://cms.law/en/int/expert-guides/cms-expert-guide-to-interim-measures/austria>, truy cập ngày 20/5/2024.

vào việc người yêu cầu khởi kiện hay không khởi kiện tại Tòa án hoặc yêu cầu Trọng tài có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Trường hợp người yêu cầu khởi kiện tại Tòa án hoặc yêu cầu Trọng tài giải quyết thì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện tiếp tục có hiệu lực cho đến khi hết thời hạn, trừ trường hợp quyết định đó bị Tòa án có thẩm quyền hủy bỏ”. Như vậy, theo quy định của Dự thảo 3, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu Tòa án áp dụng BPKCTT trước khi khởi kiện và sau khi Tòa án đã ban hành quyết định áp dụng BPKCTT trước khi khởi kiện, các cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền lựa chọn thực hiện hoặc không thực hiện việc khởi kiện vụ án dân sự.

Thông qua cách thức ghi nhận của hai Dự thảo nêu trên, có thể thấy, tư tưởng của các nhà lập pháp đã có sự thay đổi từ áp dụng BPKCTT “trước khi khởi kiện” thành áp dụng BPKCTT “không gắn với việc khởi kiện”.

Việc cho phép áp dụng BPKCTT “không gắn với việc khởi kiện vụ án dân sự” có thể giúp các cơ quan, tổ chức, cá nhân tạm thời giải quyết yêu cầu cấp bách của mình trong trường hợp họ không muốn khởi kiện về vụ án chính, vì có thể mâu thuẫn của họ đã được giải quyết xong nhờ vào BPKCTT này.¹⁰ Tuy nhiên, việc cho phép này có thể dẫn đến tình trạng các cơ quan, tổ chức, cá nhân lạm dụng quyền yêu cầu áp dụng BPKCTT để tạo ảnh hưởng bất lợi cho các chủ thể khác (đặc biệt là đối thủ cạnh tranh của họ), vì chỉ cần có đơn yêu cầu áp dụng BPKCTT trước khi Tòa án ra quyết định thụ lý vụ án, uy tín và giá trị thương hiệu của một doanh nghiệp cũng có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng.¹¹

Do đó, theo quan điểm của nhóm tác giả, việc đưa các quy định liên quan đến việc áp dụng BPKCTT “không gắn với việc khởi kiện vụ án dân sự” vào thực tiễn cần được thực hiện theo một lộ trình nhất định, tạm thời có thể chia thành những giai đoạn như sau:

Giai đoạn 1: Ghi nhận quyền yêu cầu áp dụng BPKCTT trước khi khởi kiện của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Theo đó:

Một là, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật có liên quan nhằm ghi nhận quyền yêu cầu áp dụng BPKCTT trước khi khởi kiện. Cụ thể:

10 Nguyễn Thị Hồng Nhung, “Góp ý một số vấn đề trong Dự thảo Luật Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện”, *Tạp chí Công Thương*, 2017, <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/gop-y-mot-so-van-de-trong-du-thao-luat-ap-dung-bien-phap-khan-cap-tam-thoi-truoc-khi-khoi-kiem-27665.htm>, truy cập ngày 13/5/2024.

11 Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, “VCCI góp ý lần 2 Dự thảo Luật Biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện”, *Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)*, 2017, <https://vibonline.com.vn/bao-cao/vcci-gop-y-lan-2-du-thao-luat-bien-phap-khan-cap-tam-thoi-truoc-khi-khoi-kiem>, truy cập ngày 18/5/2024.

(i) Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 111 BLTTDS năm 2015 theo hướng cho phép các cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền yêu cầu Tòa án áp dụng BPKCTT trước khi khởi kiện.

(ii) Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 133 BLTTDS năm 2015 theo hướng bổ sung thủ tục áp dụng BPKCTT trước khi khởi kiện.

(iii) Bổ sung quy định về thời hạn áp dụng BPKCTT trước khi khởi kiện.

(iv) Bổ sung trường hợp “Thời hạn áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện theo quyết định của Tòa án đã hết” là một trong những căn cứ hủy bỏ áp dụng BPKCTT trước khi khởi kiện.

Hai là, đánh giá tác động của việc bổ sung quyền yêu cầu áp dụng BPKCTT trước khi khởi kiện thông qua thực tiễn xét xử, ghi nhận những thành tựu đạt được cũng như những khó khăn, vướng mắc trong việc thực thi để từ đó có cơ sở xây dựng và hoàn thiện các quy định liên quan đến quyền yêu cầu áp dụng BPKCTT không gắn với việc khởi kiện.

Giai đoạn 2: Hoàn thiện và ban hành Luật Áp dụng BPKCTT không gắn với việc khởi kiện vụ án dân sự.

3. Áp dụng phương thức trực tuyến đối với việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Để thực hiện quyền yêu cầu Tòa án áp dụng BPKCTT, người yêu cầu phải làm đơn gửi đến Tòa án có thẩm quyền. Đơn vị yêu cầu áp dụng BPKCTT phải có các nội dung chính sau đây: (i) ngày, tháng, năm làm đơn; (ii) tên, địa chỉ; số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử (nếu có) của người yêu cầu áp dụng BPKCTT; (iii) tên, địa chỉ; số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử (nếu có) của người bị yêu cầu áp dụng BPKCTT; (iv) tóm tắt nội dung tranh chấp hoặc hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của mình; (v) lý do cần phải áp dụng BPKCTT; (vi) BPKCTT cần được áp dụng và các yêu cầu cụ thể. Bên cạnh đó, người yêu cầu còn phải cung cấp cho Tòa án chứng cứ để chứng minh rằng việc áp dụng BPKCTT là “cần thiết” (khoản 1 Điều 133 BLTTDS năm 2015).

Theo quy định của pháp luật tụng dân sự hiện hành, tùy thuộc vào thời điểm mà Tòa án nhận được đơn yêu cầu áp dụng BPKCTT là thời điểm nào mà thủ tục giải quyết đơn yêu cầu áp dụng BPKCTT là khác nhau. Theo đó:

(i) Trường hợp yêu cầu ứng dụng BPKCTT đồng thời với nộp đơn khởi kiện: Sau khi nhận được đơn yêu cầu áp dụng BPKCTT cùng với đơn khởi kiện và chứng cứ kèm theo, Chánh án Tòa án phải

phân công ngay một Thẩm phán thụ lý giải quyết đơn yêu cầu. Trong thời hạn 48 giờ, kể từ thời điểm nhận được đơn yêu cầu, Thẩm phán phải xem xét đơn khởi kiện và chứng cứ kèm theo để xác định yêu cầu khởi kiện có thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án đã nhận đơn hay không (Khoản 3 Điều 133 BLTTDS năm 2015, Điều 11 Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐTP).¹²

(ii) Trường hợp tòa án nhận đơn yêu cầu áp dụng BPKCTT trước khi mở phiên tòa: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn yêu cầu áp dụng BPKCTT, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án phải xem xét đơn và các tài liệu, chứng chỉ kèm theo chứng minh cho sự cần thiết phải áp dụng BPKCTT đó (Điểm a khoản 2 Điều 133 BLTTDS năm 2015, khoản 1 Điều 10 Quyết định 02/2020/NQ-HĐTP).

(iii) Trường hợp Hội đồng xét xử nhận đơn yêu cầu áp dụng BPKCTT tại phiên tòa: Sau khi nhận được đơn yêu cầu ứng dụng BPKCTT, Hội đồng xét xử phải xem xét, thảo luận, giải quyết tại phòng xử lý dự án (Điểm b khoản 2 Điều 133 BLTTDS năm 2015, khoản 2 Điều 10 Quyết định 02/2020/NQ-HĐTP).

Có thể thấy thủ tục nhận và giải quyết yêu cầu áp dụng BPKCTT đã được BLTTDS năm 2015 cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành ghi nhận tương đối đầy đủ và cụ thể. Điều này không chỉ tạo ra nên sự áp dụng luật thống nhất giữa các Tòa án trong thực tiễn xét xử mà còn góp phần bảo vệ tốt hơn nữa quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Tuy nhiên, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư được triển khai đã tác động mạnh mẽ và sâu rộng đến nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống kinh tế, xã hội của đất nước và tất yếu bao hàm cả hoạt động giải quyết tranh chấp dân sự của Tòa án. Điều này đã tạo ra nhiều thuận lợi nhưng cũng đặt ra không ít những thách thức mà hệ thống tư pháp phải giải quyết. Mặt khác, Việt Nam hiện nay đã tham gia Hội nghị Chánh án các nước khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, Hội đồng Chánh án khu vực ASEAN và đã cam kết đến năm 2025 phải hoàn thành việc xây dựng Tòa án điện tử theo Nghị quyết của Hội đồng.¹³ Do đó, việc hoàn thiện khung pháp lý về áp dụng phương thức trực tuyến trong thủ tục áp dụng BPKCTT là một trong những câu hỏi bức thiết của xã hội đối với hệ thống tư pháp nước nhà.

12 Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của BLTTDS.

13 Nguyễn Thị Hoài Trâm (Chủ nhiệm), *Áp dụng phương thức trực tuyến trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm án vụ án dân sự*, Đề tài khoa học và công nghệ cấp trường, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2023, tr. 58, 59.

Hiện nay, các nội dung của Nghị quyết số 52/NQ-TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Nghị quyết số 33/2021/QH15 ngày 11/12/2021 của Quốc hội về tổ chức phiên tòa trực tuyến và Thông tin liên tịch 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP ngày 15/12/2021 của Tòa nhân dân tối cao – Viện kiểm tra nhân dân tối cao – Bộ Công an – Bộ Quốc phòng – Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn phiên tòa trực tuyến cho thấy Việt Nam đã nhận được những ưu điểm của “Tòa đã có điện tử” và đang từng bước xây dựng mô hình Tòa án này để hòa nhập vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Tuy nhiên, căn cứ theo quy định của BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP,¹⁴ có thể thấy, việc áp dụng phương thức trực tuyến chỉ mới được triển khai đối với: (i) việc gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng chỉ và (ii) cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng. Còn đối với thủ tục gửi và nhận đơn yêu cầu áp dụng BPKCTT bằng phương tiện điện tử thì BLTTDS năm 2015 cũng như các văn bản có liên quan vẫn chưa có sự ghi nhận về vấn đề này.

Trong khi đó, tham khảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự một số quốc gia trên thế giới, có thể thấy việc áp dụng BPKCTT đã được triển khai theo hình thức trực tuyến, đặc biệt là khi đại dịch Covid – 19 bùng phát và gây ảnh hưởng sâu rộng đến mọi mặt của đời sống xã hội, bao gồm và không giới hạn cả hoạt động tư pháp của Tòa án. Theo đó, nhiều Tòa án đã sử dụng hệ thống trực tuyến để giải quyết các yêu cầu liên quan đến việc áp dụng BPKCTT, nhằm đảm bảo tính liên tục của hệ thống tư pháp và bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan trong bối cảnh việc áp dụng BPKCTT theo phương thức truyền thống gần như là không thể thực hiện được. Chẳng hạn, tại Mỹ, một số bang như New York, Texas hay California đã cho phép Tòa án được sử dụng các phương tiện công nghệ để nhanh chóng xử lý các yêu cầu áp dụng BPKCTT cũng như tổ chức phiên điều trần nhằm thích ứng với các biện pháp giãn cách xã hội.¹⁵ Một số tỉnh bang của Canada cũng xây dựng hệ thống xét xử trực tuyến để đảm bảo tính thông suốt của hoạt động tư pháp bất

14 Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Luật Tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử.

15 Trung tâm pháp lý COVID-19, “Court Operations During COVID-19: 50-State Legal Resources”, *Justia*, 2022, <https://www.justia.com/covid-19/50-state-covid-19-resources/court-operations-during-covid-19-50-state-resources/#california>, truy cập ngày 16/5/2024.

chấp các sự cố có thể xảy ra làm gián đoạn hoạt động tiếp cận công lý của các chủ thể. Cụ thể: Ở British Columbia, Tòa án giải quyết dân sự (*Civil Resolution Tribunal*, CRT) đã được triển khai. CRT là một Tòa án trực tuyến thuộc hệ thống tư pháp công của British Columbia, CRT đã thay thế Tòa án truyền thống trong việc giải quyết một số tranh chấp dân sự nhất định. CRT được thành lập theo đạo luật Tòa án giải quyết dân sự – được ban hành lần đầu tiên vào năm 2012 và được sửa đổi, bổ sung nhiều lần sau đó. CRT bắt đầu xử lý các vụ kiện đầu tiên vào năm 2016, tại thời điểm này, thẩm quyền của CRT bị giới hạn trong một số tranh chấp nhất định. Đến năm 2017, CRT bắt đầu tiếp nhận giải quyết các tranh chấp nhỏ có giá trị đến 5.000 CAD. Sau đó, thẩm quyền của CRT bắt đầu được mở rộng hơn với việc giải quyết các tranh chấp về tai nạn giao thông với giá trị đến 50.000 CAD và những tranh chấp liên quan đến các hiệp hội và hợp tác xã.¹⁶ Ở Nova Scotia, trong những tháng đầu tiên kể từ khi đại dịch Covid – 19 bùng phát vào năm 2020, các Tòa án ở Nova Scotia đã sử dụng ứng dụng *Skype for Business* – nền tảng này được coi là một lựa chọn an toàn, được Cơ quan dịch vụ kỹ thuật số Nova Scotia hỗ trợ, được tất cả Thẩm phán và nhân viên Tòa án của tỉnh sử dụng. Hiện nay, các Tòa án ở Nova Scotia đang sử dụng ứng dụng Microsoft Teams để giải quyết các thủ tục tố tụng.¹⁷

Chính vì vậy, theo quan điểm của nhóm tác giả, cần quy định việc áp dụng phương thức trực tuyến đối với việc áp dụng BPKCTT, cụ thể là về việc áp dụng phương thức trực tuyến đối với việc gửi, nhận đơn yêu cầu Tòa án áp dụng BPKCTT nhằm tương thích với quy định gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ bằng phương tiện điện tử; tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể khi lựa chọn việc gửi đơn yêu cầu áp dụng BPKCTT bằng hình thức trực tuyến cũng như góp phần tạo nên sự thống nhất trong việc áp dụng pháp luật giữa Tòa án và phù hợp với quy định của các nước trên thế giới. Theo đó, quy định về “Thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời” tại Điều 133 BLTTDS năm 2015 nên ghi nhận bổ sung nội dung liên quan đến việc gửi đơn yêu cầu ứng dụng BPKCTT bằng phương tiện điện tử. Cụ thể, Điều 133 BLTTDS năm 2015 có thể được sửa đổi như sau:

“Điều 133. Thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

...

16 Rebecca Dickson, Sarah Ewart, Candice Foulkes and Marina Landry, “Civil Revolution: User Experiences with British Columbia’s Online Court”, *Windsor Yearbook of Access to Justice*, Vol. 37, 2020, p. 164.

17 Ngọc Hà, “Ngành tư pháp Canada ứng dụng công nghệ trong xét xử trực tuyến”, *Trang Thông tin kinh tế của TTXVN*, 2021, <https://bnews.vn/nganh-tu-phap-canada-ung-dung-cong-nghe-trong-xet-xu-truc-tuyen/217768.html>, truy cập ngày 19/5/2024.

5. Người yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bằng phương tiện điện tử thực hiện theo cách thức gửi đơn khởi kiện bằng phương tiện điện tử”.

Kết luận

Trong quá trình giải quyết tranh chấp giữa các bên, Tòa án có thể áp dụng BPKCTT để tạm thời giải quyết yêu cầu cấp bách của đương sự, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, thu thập chứng cứ, bảo vệ chứng cứ, bảo toàn tình trạng hiện có tránh gây thiệt hại không thể khắc phục được, đảm bảo cho việc giải quyết vụ án hoặc việc thi hành án. Chính vì lẽ đó, để bảo đảm việc áp dụng pháp luật trên thực tế được thống nhất, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự cũng như các chủ thể có liên quan, thiết nghĩ, BLTTDS năm 2015 nên có những sửa đổi, bổ sung về nội dung này. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Karollus-Bruner Daniela, “Interim measures in Austria”, *CMS Legal*, 2018
- [2] Rebecca Dickson, Sarah Ewart, Candice Foulkes and Marina Landry, “Civil revolution: User experiences with British Columbia’s Online Court”, *Windsor Yearbook of Access to Justice*, Vol. 37, 2020
- [3] Đỗ Văn Đại, *Giao dịch dân sự về bất động sản*, Nxb. Hồng Đức, TP. Hồ Chí Minh, 2022 [trans: Do Van Dai, *Civil transactions in real estate*, Hong Duc Publishing House, Ho Chi Minh City, 2022]
- [4] Ngọc Hà, “Ngành tư pháp Canada ứng dụng công nghệ trong xét xử trực tuyến”, *Trang Thông tin kinh tế của TTXVN*, 2021 [trans: Ngọc Hà, “The Canadian justice system adopts technology in online trials”, *Vietnam News Agency’s Economic Information Page*, 2021]
- [5] Nguyễn Thị Hồng Nhung, “Góp ý một số vấn đề trong Dự thảo Luật Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện”, *Tạp chí Công Thương*, 2017 [trans: Nguyen Thi Hong Nhung, “Suggestions on certain issues in the draft law on the application of provisional emergency measures before filing a lawsuit”, *Industry and Trade Magazine*, 2017]
- [6] Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, “VCCI góp ý lần 2 Dự thảo Luật Biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi khởi kiện”, *Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)*, 2017 [trans: Vietnam Chamber of Commerce and Industry, “VCCI provides second round of feedback on the draft law on provisional emergency measures before filing a lawsuit”, *Vietnam Federation of Commerce and Industry (VCCI)*, 2017]
- [7] Nguyễn Thị Hoài Trâm (Chủ nhiệm), *Áp dụng phương thức trực tuyến trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm án vụ án dân sự*, Đề tài khoa học và công nghệ cấp trường, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2023 [trans: Nguyen Thi Hoai Tram (Chairman), “Applying online methods in the process of preparation for the first-instance trial over cases”, *School-Level Science and Technology Research Topic*, Ho Chi Minh City University of Law, 2023]
- [8] Trung tâm pháp lý COVID-19, “Court Operations During COVID-19: 50-State Legal Resources”, *Justia*, 2022 [trans: COVID-19 Legal Center, “Court Operations During COVID-19: 50-State Legal Resources”, *Justia*, 2022]